

GÓP BÀN MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ PHONG TRÀO CẦN VƯƠNG CUỐI THẾ KỶ XIX

ThS. LÊ TRỌNG ĐẠI
Trường Đại học Quảng Bình

Qua nghiên cứu phong trào Cần Vương cuối thế kỷ XIX, chúng tôi thấy rằng có khá nhiều vấn đề mà các tài liệu đề cập thiếu thống nhất, thậm chí sai lệch. Do đó để góp phần dựng lại lịch sử một cách chân thực, khách quan và công bằng chúng tôi đã sử dụng phương pháp nghiên cứu tài liệu để phát hiện các vấn đề chưa được thống nhất, các quan điểm khác nhau đối với cùng một sự kiện hay một nhân vật lịch sử. Trên cơ sở các thông tin thu thập được từ các tài liệu thành văn chúng tôi tiến hành điền dã để điều tra, nghiên cứu thực tế. Mặt khác, từ các tài liệu chứa đựng thông tin tập hợp được chúng tôi sử dụng các phương pháp phân loại, so sánh, đối chiếu và phương pháp lôgic để xác định lại một số tồn nghi lịch sử về phong trào Cần Vương cuối thế kỷ XIX ở Quảng Bình.

1. Những vấn đề liên quan đến một số lãnh tụ của phong trào Cần Vương

1.1. Nhân vật Nguyễn Phạm Tuân

1.1.1. Vấn đề quê hương của Nguyễn Phạm Tuân

Quê hương của Nguyễn Phạm Tuân đã được các tài liệu ghi chép thiếu thống nhất. Trác Ngọc Võ Văn Khắc trong bài “Nhớ Quảng Bình” đăng ở Tập san Hội đồng châu Quảng Bình tại Sài Gòn số đặc biệt năm 1974 có viết: “Ông Nguyễn Phạm Tuân cũng người Quảng Trạch, tham gia đạo Cần Vương cùng ông Lê Trực... bị quân Pháp phục kích tử trận”. Các tác giả Đinh Xuân Lâm và Chương Thâu trong Danh nhân lịch sử Việt Nam, tập 2, nhà xuất bản Giáo dục, 1988, trang 88 viết: “Ông Nguyễn Phạm Tuân người xã Bắc Cứ, huyện Lê Thủy, tỉnh Quảng Bình”. Nguyễn Tú trong Danh nhân Bình Trị Thiên, nhà xuất bản Thuận Hóa, 1986, trang 193 viết: “Nguyễn Phạm Tuân... ở làng Kiên Bính, tổng Võ Xá, phủ Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình”. Qua điền dã (năm 1997) chúng tôi may mắn tìm ra và đã có cuộc tiếp xúc với ông Nguyễn Phạm Bình (chắt nội của Nguyễn Phạm Tuân) đang sinh sống tại phường Đồng Sơn, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình. Qua ông Nguyễn Phạm Bình chúng tôi tiếp cận được gia phả dòng họ Nguyễn Phạm mà ông Nguyễn Phạm Bình đang lưu giữ (cả bản gốc lẫn Hán Nôm lẫn bản dịch tiếng Việt). Từ các thông tin trong gia phả, qua trao đổi với ông Nguyễn Phạm Bình, khảo sát thực địa kết

hợp đối chiếu với các tài liệu địa chí chúng tôi có cơ sở để kết luận thông tin về quê hương của Nguyễn Phạm Tuân. Quê hương của Nguyễn Phạm Tuân gọi theo địa danh được sử dụng ở cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX là làng Kiên Bính, tổng Võ Xá, phủ Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình. Hiện nay Kiên Bính là đã trở thành phường Hải Đình, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

1.1.2. Về cái chết của Nguyễn Phạm Tuân có 3 giả thuyết khác nhau

Thứ nhất, Trác Ngọc Võ Văn Khắc trong "Nhớ Quảng Bình" (Sđd) viết:

“Ông Nguyễn Phạm Tuân..., tham gia đạo Cần Vương cùng ông Lê Trực... bị quân Pháp phục kích tử trận”.

Thứ hai, ông Cao Lượng, cố Lý trưởng làng Quy Đạt những năm 1885-1890 cho rằng: “Nguyễn Phạm Tuân bị người Pháp bắt ở Cổ Liêm và đưa về xử tử ở đồn Minh Cầm”.

Thứ ba, Vĩnh Nguyên - Nguyễn Tú, Danh nhân văn hóa Quảng Bình, tập 1, nhà xuất bản Thuận Hóa, Huế, 1993 viết: “Đêm mùng 8 tháng 4 năm 1887, nhờ một tên phản bội dẫn đường quân Pháp do đại úy Mutô chỉ huy đang đêm băng rừng vào Cổ Liêm... Sáng ngày 9 tháng 4 năm 1887, giặc bất ngờ ập đến căn cứ của Nguyễn Phạm Tuân lúc ông đang bị ốm, khi ấy nghĩa quân đang ăn sáng, chỉ còn vài người cận vệ ở bên cạnh Nguyễn Phạm Tuân. Họ ra sức chống cự nhưng đều bị quân địch giết chết. Nguyễn Phạm Tuân dù đang ốm vẫn vùng dậy cầm gươm chống cự. Ông bị đại úy Mutô bắn trọng thương”... “Giặc bắt ông giải về đồn Minh Cầm. Kẻ thù đã dùng nhiều thủ đoạn dụ dỗ, mua chuộc nhưng không khuất phục được Nguyễn Phạm Tuân. Tên đại úy Mutô nói: Ông không sợ chết hay sao mà không chịu quy thuận người Pháp...”. Ông đã khẳng khái trả lời chúng rằng “Tôi bình sinh trọng cương thường, con chết vì cha, tôi chết vì vua có gì mà đáng sợ”. Sau đó ông tuyệt thực để tỏ lòng trung quân, ái quốc. Bọn giặc vẫn tìm cách mua chuộc nên gọi thầy lang đến khám và cắt thuốc trị bệnh cho ông, nhưng Nguyễn Phạm Tuân đã ngậm thuốc phun vào mặt tên đại úy Mutô... Đêm 10 tháng 4 năm 1887 ông mất” [4; 55]. Không khuất phục được Nguyễn Phạm Tuân “quân giặc đã trả thù ông một cách hèn hạ. Chúng chặt đầu ông cắm cọc bêu trên sông Gianh chỗ gần chợ Minh Cầm và thả xác xuống sông. Tên đại úy Mutô còn ra lệnh “cấm không ai được vớt xác Nguyễn Phạm Tuân”, nhưng một nghĩa quân tên là Bàng người Kinh Châu (Châu Hóa, Tuyên Hóa) đã dũng cảm vớt xác Nguyễn Phạm Tuân lên. Hai cha con ông Bàng thuê dân chài dùng mưu lấy được thủ cấp Nguyễn Phạm Tuân đưa về khâm liệm và mai táng ở núi Lâm Lang...” [5; 9]

Như vậy, Nguyễn Phạm Tuân chết là do 2 nguyên nhân chính sau đây: Thứ nhất, do vết thương khá nặng có thể làm mất nhiều máu vì bị trúng đạn của tên đại úy Mutô. Thứ hai, do ông tuyệt thực (nhịn ăn, uống) trong lúc đang bị ốm.

1.2. Nhân vật Tôn Thất Thuyết

1.2.1. Các quan điểm đánh giá về Tôn Thất Thuyết

- Học giả Nguyễn Nhược Thị xem việc bỏ Dục Đức, phế Hiệp Hoà, lập Kiến Phúc, tôn Hàm Nghi của Tôn Thất Thuyết là hành động của kẻ "quên lời sách xưa", "chẳng giữ đạo trung", "vì thân", "quyền thần sâu hiểm"[10; 20-23]

- Trần Trọng Kim thì xem thái độ né tránh tướng De Courcy ở toà Khâm sứ của Tôn Thất Thuyết là nhát gan [8; 550] và cuộc tấn công Huế sáng ngày 7 tháng 5 năm 1885 ở kinh thành Huế là "làm loạn".

- Phan Trần Chúc thì xem “Tôn Thất Thuyết như người độc đoán hiếu sát, tàn bạo gần như mất nhân tính”.

- Ch. Gosselin (Pháp) trong tác phẩm L'Empire d' Annam” xếp Tôn Thất Thuyết vào loại thù địch, kém thức thời và xem việc ông đi Trung Hoa cầu viện là một hành động đào ngũ.

- Đặc biệt sau vụ phản công ở kinh thành Huế thất bại (1885) thì trong dân gian đã truyền tụng câu ca và một số dị bản: “Nước Nam có bốn anh hùng

Tường gian, Viêm láo,

Khiêm hùng, Thuyết ngu” [9; 31]

Có 2 dị bản khác được truyền tụng ở Huế những năm cuối thập kỷ 80 của thế kỷ XIX:

“Nước Nam có bốn gian hùng

Tường gian, Viêm láo,

Khiêm hùng, Thuyết ngu” [7; 137]

Hay:

“Thừa Thiên có bốn anh hùng

Tường gian, Viêm láo,

Khiêm hùng, Thuyết ngu” [6; 91]

Các câu ca trên tuy có thể được truyền tụng với những mục đích khác nhau nhưng đều đề cập đến nhân cách bốn vị đại thần của triều Nguyễn là những người can dự vào những công việc hệ trọng của quốc gia ở những thời điểm lịch sử đầy biến động và cam go trong nửa sau thế kỷ XIX. Mặc dù xem qua nội dung câu ca chúng ta thấy có sự phê phán bốn vị đại thần nhưng câu ca này ra đời trong bối cảnh xã hội Việt Nam bị phân hóa thành hai lực lượng. Một lực lượng yêu nước do vua Hàm Nghi và các đại thần có tư tưởng chủ chiến như Tôn Thất Thuyết, Nguyễn Văn Tường, Phạm Thân Duật, Hoàng Kế Viêm cầm

đầu. Một lực lượng đầu hàng, phản bội chấp nhận làm tay sai cho Pháp để hưởng vinh hoa, phú quý đê hèn, mà tiêu biểu là vua Hiệp Hòa, vua Đồng Khánh và bọn Việt gian Nguyễn Hữu Độ, Hoàng Cao Khải, Nguyễn Thân. Do đó câu ca này nếu nhân dân yêu nước dùng thì để ca ngợi các nhân vật yêu nước và cổ kết nhân tâm chống Pháp nhưng lại khéo léo nấp dưới các ngôn từ phê phán. Còn bọn tay sai Pháp hoặc một số hoàng tộc bất bình với việc phế lập vua của các đại thần Tôn Thất Thuyết và Nguyễn Văn Tường thì dùng câu ca này để phê phán, lên án bốn vị đại thần nói trên.

Tóm lại, sau năm 1954 các nhà nghiên cứu lịch sử Mác xít về cơ bản đã có sự thống nhất là đều đánh giá cao nhân cách Tôn Thất Thuyết, trân trọng tấm lòng yêu nước nhiệt thành của ông; song vẫn chê trách “ông không biết dựa vào dân trong cuộc tấn công quân Pháp ở Huế ngày 5 tháng 7 năm 1885, chỉ trích sai lầm của ông về ảo tưởng cầu viện nhà Thanh chống Pháp và xem hoạt động đàn áp khởi nghĩa nông dân của ông trong khoảng 10 năm trước khi về Huế là lỗi lầm khá nghiêm trọng...” [10].

Qua nghiên cứu tài liệu và phân tích lịch sử về cơ bản chúng tôi thống nhất đánh giá tinh thần yêu nước nhiệt thành, tấm lòng tận tụy vì nước của Tôn Thất Thuyết. Ông cũng là người mưu trí, kiên trung. Mặc dù trong nhân cách của Tôn Thất Thuyết có nhưng hạn chế nhất định như có lúc còn nóng nảy, lạnh lùng, song ông không phải là người “ngu dốt”, “hiếu sát” “gian hùng” như kẻ thù của ông tìm cách thóa mạ, bôi nhọ. Việc chân dung Tôn Thất Thuyết bị thực dân Pháp xuyên tạc càng chứng tỏ kẻ thù của ông rất lo ngại ảnh hưởng to lớn của ông đối với văn thân, sĩ phu và nhân dân ta thời bấy giờ.

1.2.2. Về chân dung Phụ chính đại thần Thượng thư bộ Binh Tôn Thất Thuyết

Qua nghiên cứu các tài liệu chúng tôi thấy rằng cho đến nay phần lớn các tài liệu khi giới thiệu về Tôn Thất Thuyết của chúng ta vẫn đang sử dụng hình ảnh chân dung Tôn Thất Thuyết đã bị thực dân Pháp xuyên tạc. Dưới đây là chân dung Tôn Thất thuyết bị thực dân Pháp xuyên tạc.

Chúng tôi cho rằng hiện nay chúng ta cần loại bỏ hình ảnh vốn đã bị xuyên tạc nói trên và thay vào đó là bức chân dung đích thực của Tôn Thất Thuyết dưới đây khi giới thiệu nhân vật Tôn Thất Thuyết.

2. Một số địa danh trong phong trào Cần Vương

Qua nghiên cứu phong trào Cần Vương cuối thế kỷ XIX, chúng tôi thấy rằng cho đến nay từ các sách thông sử đến giáo trình đại học, cao đẳng, sách giáo khoa lịch sử phổ thông thậm chí cả các chuyên khảo hay tiểu thuyết lịch sử khi đề cập tới phong trào Cần Vương đều thiếu sự thống nhất khi viết về một số địa danh (có những địa danh trong tài liệu không đúng trên thực địa). Mặt



Hình Tôn Thất Thuyết bị thực dân Pháp xuyên tạc



Chân dung đích thực của Tôn Thất Thuyết

khác, việc chú thích một số địa danh cũng chưa thật cụ thể khiến người đọc rất khó phân biệt và xác định nó trên thực địa. Qua khảo sát đối chiếu chúng tôi bước đầu xác định lại một số địa danh dưới đây:

2.1. “Cha Mác”, là địa danh chỉ một địa điểm nằm trên quốc lộ 12, ở giữa Khe Ve và La Trọng cùng thuộc địa bàn xã Dân Hóa, huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình. Đây là một trong những địa chỉ vua Hàm Nghi đã từng nương náu trong thời gian ông hoạt động ở miền Tây Quảng Bình (1885-1888). Địa danh này Phan Trần Chúc trong tác phẩm “Vua Hàm Nghi”, nhà xuất bản Thuận Hóa, Huế, 1995 ở các trang 163, 164, 167; và Trần Văn Giàu cùng các cộng sự; Lịch sử Việt Nam cận đại, tập 2, nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội, 1961, trang 208 đều chép là “Chà Mác”.

2.2. “Nguồn Nan” hay “Rào Nan” là một nhánh của sông Gianh, phát nguyên từ Minh Hóa chảy theo hướng Tây Bắc - Đông Nam song song với nguồn Nậy (Rào Nậy); rồi nhập vào nguồn Nậy ở La Hà (Quảng Văn, Quảng Trạch). Phạm Văn Sơn, Việt sử tân biên (Việt Nam kháng Pháp cận sử) (1858-1914), Sài Gòn, 1963, trang 81 chép là “nguồn Vạn”, ở trang 86 lại chép là “Rào Nam”.

2.3. Cửa Khế, một địa danh ở phía nam xóm Ve thuộc làng Thanh Tuyền, xã Thanh Hóa, huyện Tuyên Hóa ngày nay. Đặng Huy Vận, trong bài viết có tiêu đề “Về cuộc kháng chiến kiên cường và anh dũng của nhân dân Quảng Bình cuối thế kỷ XIX” Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử số 108 (1) 1968, trang 30; Trần Văn Giàu và cộng sự, Lịch sử Việt Nam cận đại, tập 2, nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội, 1961, trang 203 đều chép là “Cửa Kê”; Phạm Văn Sơn, Việt Nam kháng Pháp sử, quyển 5, tập 1, trang 82 chép là “Cửa Khe”.

2.4. “Thác Dài”, là một cái thác thuộc Cổ Liêm ngày xưa; hiện nay thác này nằm giữa 2 xã Tân Hóa và Trung Hóa của huyện Minh Hóa. Phạm Văn Sơn, sđd, trang 80, và một số sách khác đều chép là “Thác Đài” [4; 83-84].

3. Văn bản phát động phong trào Cần Vương của vua Hàm Nghi là “Chiếu” hay “Dụ” Cần Vương?

Từ trước tới nay hầu hết các sách thông sử đến giáo trình đại học, sách giáo khoa lịch sử phổ thông khi nói tới văn bản do Tôn Thất Thuyết lấy danh nghĩa vua Hàm Nghi phát động phong trào Cần Vương đều sử dụng từ “chiếu”, tuy nhiên trong một số tài liệu thì văn bản này được gọi bằng “dụ”. Ví dụ trong Đại Nam thực lục ghi: “Dụ thiên hạ Cần Vương”, “Dụ Cần Vương”. Từ “dụ” còn được sử dụng ở một số tài liệu khác như tác phẩm Dấu Tuất niên gian phong hỏa ký sự, ở 2 câu sau:

“Tôn Thất Thuyết lánh thân thoát khỏi

... Tổng dụ ra giục hồi thân hào” (câu 67 và 70).

Hay “Văn thân thấy dụ vui mừng” (câu 92).

Trong tác phẩm Đại loạn năm Ất Dậu cũng ghi:

“Dụ Hàm Nghi mới tổng đạt các nơi

Muru Tôn Thuyết đã vẽ bày đủ lối” (câu 145-146).

Hay: “Truyền miệng dụ mới dục lòng văn thân” (câu 248).

Trong hội nghị khoa học “Nhóm chủ chiến trong triều đình Huế & Nguyễn Văn Tường” của Trường Đại học Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh, tổ chức tại thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20/6/1996, nhà nghiên cứu Trần Viết Ngạc đã có bài viết với tiêu đề “Chiếu hay dụ Cần Vương?”. Trong chuyên khảo này ở trang 29 Trần Viết Ngạc đã khẳng định “...văn bản mà chúng ta vẫn gọi là chiếu Cần Vương đúng ra là dụ Cần Vương”. Chúng tôi nhất trí với quan điểm nói trên của nhà nghiên cứu Trần Viết Ngạc là căn cứ vào những cơ sở sau đây:

Vì để xác định văn bản nói trên là “chiếu” hay “dụ” thì chúng ta phải trả nó về với thời điểm lịch sử mà nó đã xuất hiện. Văn bản này là một dạng văn bản luật pháp thời phong kiến.

Theo Tiến sĩ Huỳnh Công Bá: “các loại hình văn bản pháp luật: Dưới thời phong kiến chỉ có vua mới có quyền đặt luật pháp, ra mệnh lệnh:

- Nếu mệnh lệnh có tính chất chung, cưỡng bức đối với tất cả mọi người hay số đông người thì gọi là dụ hay Sắc dụ (nếu quan trọng)...

- Nếu mệnh lệnh có tính cách riêng đối với cá nhân thì gọi là chiếu (chiếu chỉ) hay Sắc chiếu” [1; 10-11].

Mặt khác, “chiếu” là mệnh lệnh vừa có tính chất thông báo còn “dụ” là văn bản pháp luật công bố mệnh lệnh có tính cưỡng bức mọi người phải theo.

Nếu xét về hình thức thì “dụ” thường mở đầu bằng chữ “dụ:”... Còn “chiếu” thì luôn mở đầu bằng: “Phụng thiên thừa vận Hoàng đế chiếu viết:...” hay “Thừa Thiên hưng vận, hoàng đế chiếu viết:...” xem lại nội dung văn bản mà chúng ta vẫn quen gọi là chiếu Cần Vương thì quả thực nó được bắt đầu bằng từ “dụ”.

Những vấn đề nêu trên chúng tôi chỉ ra và xác định lại mặc dù không phải là mới song vì hiện nay vẫn đang có những nhầm lẫn khá phổ biến trong giới nghiên cứu nhất là các đối tượng sinh viên, học sinh, do đó tác giả bài viết xin nêu ra ở hội thảo này để một lần nữa khẳng định chân lý với mong muốn được góp phần phục dựng lại lịch sử một cách chân thực, khách quan như nó đã diễn ra.

Tài liệu tham khảo:

1. Huỳnh Công Bá, *Lịch sử nhà nước và pháp quyền Việt Nam (từ nguồn đến thế kỷ XIX)*, Trung tâm Đào tạo từ xa, Đại học Huế, 1993.
2. Bou rotte, “*Cuộc lưu vong của vua Hàm Nghi*”, Tạp chí *Bulletin des amis vieux*, bản dịch Nguyễn Tú, 1992.
3. Phan Trần Chúc, *Vua Hàm Nghi*, Hà Nội, Chinh ký, 1923.
4. Lê Trọng Đại, *Phong trào Cần Vương Quảng Bình những nét chung và riêng (từ 1885 đến 1896)*, Luận văn tốt nghiệp đại học ngành Sư phạm Lịch sử, tháng 5 năm 1997.
5. *Gia phả dòng họ Nguyễn Phạm ở Đồng Hới, Quảng Bình*.
6. Họa Nhiên Tôn Thất Hào, “*Chiếu tuyệt Kỳ vĩ Quận công Nguyễn Văn Tường 1824-1886*” in trong Kỷ yếu hội nghị khoa học “Nhóm chủ chiến trong triều đình Huế & Nguyễn Văn Tường” của Trường Đại học Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20/6/1996, tr.85-98.
7. Trần Ngọc Khánh, “*Giám định lại câu ca về “bốn gian hùng” dưới góc độ dân gian và lịch sử*” in trong Kỷ yếu hội nghị khoa học “Nhóm chủ chiến trong triều đình Huế & Nguyễn Văn Tường” của Trường Đại học Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20/6/1996, tr.137-142.
8. Trần Trọng Kim, *Việt Nam sử lược*, Sài Gòn, Tân Việt, 1968.
9. Trần Thị Thanh Thanh, “*Nhìn lại việc phế lập ở Huế năm Quý Mùi (1883)*” in trong Kỷ yếu hội nghị khoa học “Nhóm chủ chiến trong triều đình Huế & Nguyễn Văn Tường” của Trường Đại học Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20/6/1996, tr 31-36
10. Nguyễn Nhược Thị, *Hạnh Thục Ca*, (Trần Trọng Kim dịch), Sài Gòn, Tân Việt, 1950.
11. Nguyễn Quang Trung Tiến, “*Tôn Thất Thuyết anh hào lắm nỗi nhiều khê*”, Tạp chí Thông tin Khoa học và Công nghệ, số 2 (8), 1995.